TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 419/2024/HNGĐ-ST Ngày: 09/12/2024 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 529/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1987;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

Người được chị D ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Trần Thị A, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Đ**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Ông Vũ Văn Đ1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Vũ Văn Đ quen biết và tự do tìm hiểu trong khoảng thời gian hơn một tháng thì tiến tới kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương

ngày 27/6/2023. Ngày 30/6/2023 chị đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc trò chuyện với nhau, nếu điều kiện thuận lợi chị sẽ bảo lãnh cho anh Đ sang Hàn Quốc đoàn tụ cùng chị. Nhưng do giấy tờ của chị bị trục trặc nên chị không bảo lãnh cho anh Đ sang Hàn Quốc cùng chị được. Từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và không tin tưởng lẫn nhau, anh Đ cho rằng chị không muốn bảo lãnh cho anh sang nước ngoài cùng nên có lời lẽ xúc phạm chị, vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại và chị không liên lạc với anh Đ nữa, một vài lần vợ chồng liên lạc thì đều xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị D đang lao động tại Hàn Quốc nên chị ủy quyền cho chị Trần Thị A thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ông Vũ Văn Đ1 (bố đẻ anh Đ) trình bày: Anh Đ và chị D tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn rồi tiến tới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào giữa năm 2023. Trước khi kết hôn với nhau, anh Đ và chị D đều đã có gia đình riêng và đã ly hôn. Từ khi tìm hiểu đến khi đăng ký kết hôn anh chị có chung sống với nhau tại gia đình ông được một thời gian ngắn, trong khoảng thời gian đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau và nghi ngờ tình cảm của nhau. Sau khi chị D đi lao động tại Hàn Quốc, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Hiện tại chị D vẫn chưa về nước, anh Đ đi làm công ty và sinh sống cùng gia đình ông. Ngoài ra, ông Đặng C trình bày, ông đã nhận các văn bản của Tòa án giao cho ông, ông đã thông báo cho anh Đ biết, tuy nhiên do anh Đ bận công việc nên anh không đến Tòa án được, anh Đ đề nghị giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được chị D ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Trần Thị A trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị D, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị D biết, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị D, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị D, anh Đ có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị mỗi người sống một nơi, anh Đ vẫn sống chung cùng bố mẹ đẻ tại địa phương, chị D đã đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng đều kết hôn lần

thứ hai nên không có sự chia sẻ, đồng cảm và gắn bó. Nay chị D có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D ly hôn anh Vũ Văn Đ. Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Khối T, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An, hiện chị đang sinh sống, lao động tại Hàn Quốc. Bị đơn anh Vũ Văn Đ có địa chỉ tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị D không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Trần Thị A nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu của chị đã được UBND phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Chị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 27/6/2023 là hôn nhân hợp pháp. Ngay sau khi kết hôn, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị đều kết hôn lần thứ hai và tìm hiểu nhau trong thời gian quá ngắn nên không hiểu rõ về nhau, quan điểm sống bất đồng, anh chị không tin tưởng và tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau ngay từ khi kết hôn đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng anh Đ đều vắng mặt, anh cũng không

đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật, chứng tỏ anh không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị D ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung*:* Chị D, anh Đ cùng xác định vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D, xử cho chị Trần Thị D ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu **số 0000575 ngày 03 tháng 4 năm 2024** của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Trần Thị A nộp thay). Chị D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh Vũ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu